

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình
tại Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng
01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm
2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12
năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về
quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung
ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai
đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9700/TTr-SXD
ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng một số
hạng mục công trình tại Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa (kèm theo
hồ sơ Dự án).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công
trình tại Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa với các nội dung chủ
yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình tại Trường
Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tây Thành.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Nhằm khắc phục xuống cấp công trình và đảm bảo cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên, học sinh.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế

Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình và các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ với các giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

8.1. Nhà học tập chuyên dụng và thí nghiệm 2 tầng:

- Đục bỏ, trát lại các vị trí tường bong bộp; vệ sinh toàn bộ bề mặt và sơn hoàn thiện 1 lớp lót, 2 lớp phủ;

- Tháo dỡ toàn bộ cửa đi, cửa sổ, vách kính (kể cả khuôn và hoa sắt); phá dỡ, trát lại má cửa. Lắp đặt mới cửa, vách kính nhôm hệ kính an toàn dày 6,38mm; gia công, lắp lại hoa sắt cửa sổ đúng kích thước.

- Đục bỏ, thay thế gạch lát nền bằng gạch Granite kích thước 600x600mm;

- Thay thế toàn bộ bóng điện chiếu sáng hành lang;

- Chống thấm sê nô tại vị trí bị thấm, ngấm;

- Khu vệ sinh tầng 1, 2:

- + Tháo dỡ, thay mới hệ thống cấp - thoát nước, bóng đèn, thiết bị vệ sinh và bàn chậu rửa;

- + Thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm;

- + Phá dỡ tường ngăn, hộp kỹ thuật cũ; xây mới hộp kỹ thuật và lắp vách ngăn xi, tiêu;

- + Thay gạch lát nền bằng gạch ceramic chống trơn 300x300mm; ốp tường cao 2,1m bằng gạch ceramic 300x600mm;

- + Chống thấm bằng màng khô và đóng trần mới khung xương hợp kim nhôm, tấm 600x600mm.

8.2. Nhà xưởng thực hành 2 tầng: Sửa chữa khu vệ sinh tầng 1, 2:

- Tháo dỡ, thay mới toàn bộ hệ thống cấp - thoát nước, bóng đèn, thiết bị vệ sinh và bàn chậu rửa;

- Lắp đặt cửa đi, cửa sổ mới bằng nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm;
- Phá dỡ tường ngăn, hộp kỹ thuật cũ; xây mới hộp kỹ thuật và lắp vách ngăn xí, tiểu;
- Thay gạch lát nền bằng gạch ceramic chống trơn 300x300mm; ốp tường cao 2,1m bằng gạch ceramic 300x600mm;
- Chống thấm bằng màng khô và đóng trần mới khung xương hợp kim nhôm, tấm 600x600mm.

8.3. Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC cho các khu nhà: Gồm Nhà học lý thuyết 3 tầng, Nhà xưởng thực hành 2 tầng, Nhà học tập chuyên dụng và thí nghiệm 2 tầng:

- Lắp đặt mới hệ thống PCCC trong nhà, bao gồm: hệ thống báo cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát hiểm (Exit), hộp và bình chữa cháy, cùng hộp đựng phương tiện chữa cháy vách tường;
- Bổ sung hệ thống PCCC ngoài nhà gồm 02 trụ nước chữa cháy và 01 họng chữa cháy ngoài nhà, được cấp nước từ nhà bơm PCCC qua hệ thống đường ống thép tráng kẽm.

8.4. Các hạng mục Hạ tầng kỹ thuật phụ trợ:

8.4.1. Khuôn viên, sân, đường nội bộ:

a) Đường nội bộ:

- Láng nhựa mặt đường nội bộ tổng chiều dài 568,21m, gồm: tuyến 1 rộng 4,5-6,0m, dài 461,81m; tuyến 2 rộng 5,0-5,5m, dài 106,4m. Kết cấu gồm lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm, bù vênh sân và đường cũ bằng bê tông nhựa C16, tưới nhựa dính bám TCN 1,0kg/m² và rải lưới cốt sợi thủy tinh chống nứt.

- Thay thế bó vỉa dọc các tuyến;

b) Sân ký túc xá:

Lát sân ký túc xá bằng gạch Terrazzo, có cấu tạo gồm nền bê tông cũ, lớp vữa bù vênh - tạo phẳng và gạch Terrazzo kích thước 400x400x30mm.

c) Vĩa hè:

Lát vĩa hè bằng gạch Terrazzo, cấu tạo gồm: Lớp móng bê tông xi măng đá 1x2 mác 150 dày 5cm; lớp vữa xi măng mác 75 dày 2cm; lát gạch Terrazzo kích thước 400x400x30mm.

d) Sửa chữa rãnh thoát nước:

Phá dỡ, xây mới đoạn rãnh thoát nước dài 75m; rãnh xây gạch kích thước 40x60cm, nắp bằng tấm đan bê tông cốt thép đá 1x2, mác 250, dày 12cm.

e) Sửa chữa sân bóng chuyên:

Phá dỡ nền bê tông và bồn cây hiện trạng; làm mới sân bê tông gồm lớp đá dăm đệm dày 10cm, lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm; làm mới bồn cây bằng bó vỉa đá.

8.4.2. Sân bóng đá:

- Sân có kích thước tổng thể 45,3x56,0m, gồm mặt sân cỏ nhân tạo, hệ thống rãnh thoát nước hai bên và sân bê tông bao quanh. Phần sân cỏ nhân tạo kích thước 34x50m, cấu tạo gồm các lớp: đất tôn nền, đá base, đá mặt và lớp cỏ nhân tạo. Sân bê tông gồm lớp nilon tái sinh, lớp đá mặt dày 5cm và lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 10cm.

- Xung quanh sân lắp lưới quây, cột lưới bằng thép mạ kẽm; bố trí 04 cửa ra vào tại bốn góc sân, cửa làm khung thép ống mạ kẽm bọc lưới thép B40.

- Hệ thống chiếu sáng gồm 06 cột đèn, mỗi cột lắp 02 bóng đèn LED công suất 250W; nguồn điện cấp từ tủ điện của Nhà học tập chuyên dụng và thí nghiệm.

- Thoát nước sân qua rãnh xây dọc hai bên, đầu nối vào hệ thống thoát nước hiện trạng; thành và hố ga xây gạch, đáy bê tông móng đá 1x2 mác 150 dày 10 cm, nắp rãnh bằng tấm đan bê tông cốt thép.

8.4.3. Hạ ngầm đường cáp treo trung thế 35KV:

Hạ ngầm lưới điện trung thế 35kV từ cột 150 đến cột 150.3.

8.4.4. Nhà bơm PCCC:

Nhà 1 tầng, kích thước 3,0x3,3m (tính từ tim), cao 2,85m từ sân đến đỉnh mái, kết cấu móng gạch không nung, tường chịu lực, sàn mái bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200 dày 10cm đổ tại chỗ; tường và trần trát, sơn hoàn thiện, nền láng vữa xi măng mác 100, cửa đi khung thép hộp mạ kẽm bít tôn.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 9400/SXD-HĐXD ngày 22/10/2025.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 10.637.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	9.158.376.621	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	185.220.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	296.021.685	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	862.537.120	đồng;
- Chi phí khác	:	63.045.145	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	71.798.990	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Tiến độ thực hiện: Năm 2025 - 2026.

12. Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp được phân bổ tại Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

14. Các nội dung khác: Theo nội dung Tờ trình số 9700/TTr-SXD ngày 29/10/2025 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CNXDKH_{HDXD_TM.109}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình
tại Trường Trung cấp nghề Miền Núi Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	8.418.798.461	739.578.160	9.158.376.621
II	Chi phí thiết bị	171.500.000	13.720.000	185.220.000
III	Chi phí quản lý dự án	296.021.685		296.021.685
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	799.918.118	62.619.002	862.537.120
1	Chi phí khảo sát + lập BCKTKT	412.433.333	32.994.667	445.428.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	2.076.852	166.148	2.243.000
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	51.034.259	4.082.741	55.117.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	36.369.209	2.909.537	39.278.746
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	276.557.529	22.124.602	298.682.131
6	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1.447.460	115.797	1.563.257
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	2.818.880	225.510	3.044.390
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	8.590.298		8.590.298
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	8.590.298		8.590.298
V	Chi phí khác	62.371.641	673.504	63.045.145
1	Chi phí bảo hiểm công trình	6.735.039	673.504	7.408.543
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	505.257		505.257
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	41.303.469		41.303.469
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	13.827.876		13.827.876
VI	Chi phí dự phòng			71.798.990
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			71.798.990
	Tổng cộng (làm tròn)			10.637.000.000